

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG
VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**

Số: 93.../PAIC-TCHC

V/v: Công bố Báo cáo tài chính năm 2024 đã
được kiểm toán

Mẫu số 01-A
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 đã được kiểm toán với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: PAIC
- Địa chỉ: Tầng 14 khu văn phòng, Tòa nhà C1 Thành Công, Phố Thành Công, Phường Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024. 37722 722 Fax: 024. 37725942
- Email: info@paic.pvn.vn Website: www.paic.pvn.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024 đã kiểm toán
☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

☐ Có

☐ Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28./03/2025 tại đường dẫn: <http://www.paic.pvn.vn/Articles.aspx?CateID=48>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2024 đã được kiểm toán

- Văn bản giải trình số 22./PAIC-TCKT ngày 28/03/2025

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Việt Anh



CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG
VÀ TỰ ĐỘNG HOÁ DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 92 /PAIC-TCKT
V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế biến
động hơn 10% so với cùng kỳ

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Ngày 27 tháng 03 năm 2025, Công ty cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) đã phê duyệt Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024. Thực hiện theo thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty PAIC kính gửi Quý Cơ quan giải trình biến động lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ như sau:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Tỷ lệ tăng/ giảm
1	Lợi nhuận sau thuế	4.126.148.545	4.830.740.206	-15%

Giải trình của Công ty: lợi nhuận trong năm 2024 giảm so với cùng kỳ do giảm lợi nhuận tài chính.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT



GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Anh

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG
VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**

Tầng 14 khu văn phòng, Tòa nhà C1 Thành Công, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

THƯ GIẢI TRÌNH CỦA GIÁM ĐỐC

**Kính gửi: Bà Nguyễn Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán VACO
Tầng 12A, Tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63, Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội**

Thư giải trình này được cung cấp liên quan đến cuộc kiểm toán của Công ty Bà về báo cáo tài chính của **Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí** cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 nhằm mục đích đưa ra ý kiến về việc liệu báo cáo tài chính có phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hay không.

Chúng tôi xác nhận rằng *(với sự hiểu biết và tin tưởng cao nhất, chúng tôi đã tìm hiểu những thông tin mà chúng tôi cho là cần thiết để thu được những hiểu biết thích hợp)*:

- (1) Chúng tôi đã hoàn thành các trách nhiệm của mình, như đã thỏa thuận trong các điều khoản của Hợp đồng kiểm toán đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; Cụ thể là báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (2) Chúng tôi đã sử dụng các giả định hợp lý để đưa ra các ước tính kế toán, kể cả ước tính về giá trị hợp lý.
- (3) Công ty có quyền sở hữu hợp pháp đối với tất cả các tài sản, không có tranh chấp liên quan tới các tài sản và không có các tài sản bị cầm cố cũng như thế chấp, ngoài các tài sản thế chấp đã thuyết minh trên BCTC.
- (4) Chúng tôi đã ghi nhận hoặc trình bày đúng đắn tất cả các khoản nợ phải trả, bao gồm các khoản nợ thực tế và nợ tiềm tàng và đã trình bày tất cả các khoản bảo lãnh cho bên thứ ba và các bên liên quan của Công ty trên các báo cáo tài chính.
- (5) Chúng tôi xác nhận rằng Công ty đã không sử dụng bất kỳ luật sư nào trong năm cho bất kỳ tranh chấp hay khiếu nại nào.
- (6) Không có bất kỳ hàng tồn kho nào được ghi nhận theo giá trị vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được.
- (7) Chúng tôi không có bất kỳ kế hoạch nào có thể dẫn đến thay đổi trọng yếu giá trị cũng như phân loại của tài sản và nợ phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính.
- (8) Công ty không phát sinh những thay đổi trong nguyên tắc kế toán có tác động tới tính nhất quán của số liệu.
- (9) Chúng tôi đã cung cấp cho Bà:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà chúng tôi nhận thấy có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như sổ, tài liệu, chứng từ kế toán và các vấn đề khác;
 - Các tài liệu, thông tin bổ sung mà Kiểm toán viên yêu cầu chúng tôi cung cấp để phục vụ cho mục đích kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế với những cá nhân trong đơn vị mà Kiểm toán viên xác định là cần thiết nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán;
- (10) Tất cả các giao dịch đã được ghi chép trong tài liệu, sổ kế toán và đã được phản ánh trong báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG
VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**

Tầng 14 khu văn phòng, Tòa nhà C1 Thành Công, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

- (11) Chúng tôi không nhận thấy có rủi ro báo cáo tài chính có thể chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận.
- (12) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có thể có ảnh hưởng đến đơn vị và liên quan đến: Ban Giám đốc; Những nhân viên có vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ; hoặc các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.
- (13) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến các cáo buộc gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của đơn vị mà chúng tôi được thông báo từ các nhân viên, nhân viên cũ của Công ty, các chuyên gia phân tích, các cơ quan quản lý hoặc những người khác.
- (14) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ trường hợp nào không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ pháp luật và các quy định mà ảnh hưởng của việc không tuân thủ đó cần được xem xét khi lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (15) Chúng tôi đã công bố cho Bà danh tính của các bên liên quan của đơn vị và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan mà chúng tôi biết. Toàn bộ số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được thể hiện và trình bày trên BCTC.
- (16) Các báo cáo tài chính đã thuyết minh tất cả các vấn đề mà chúng tôi biết có liên quan đến khả năng hoạt động theo nguyên tắc hoạt động liên tục.
- (17) Hiện tại, không còn các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính ngày 31/12/2024 đòi hỏi phải xem xét lại số liệu đã trình bày trong Báo cáo tài chính hoặc phải thuyết minh bổ sung. Chúng tôi sẽ thông báo cho Bà nếu có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày lại số liệu hoặc thuyết minh bổ sung trong báo cáo tài chính.
- (18) Ban Giám đốc Công ty đã hiểu rằng việc xác định nghĩa vụ thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về nghĩa vụ các loại sẽ tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Ban Giám đốc Công ty cũng được các Kiểm toán viên lưu ý vấn đề này.

Trân trọng,

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Giám đốc



Nguyễn Việt Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG
VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ

Tầng 14 khu văn phòng, Tòa nhà C1 Thành Công

Phố Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ

Tầng 14 khu văn phòng, Tòa nhà C1 Thành Công

Phố Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Đỗ Thị Bích Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Anh	Thành viên
Ông Vũ Quốc Anh	Thành viên
Ông Phan Xuân Thắng	Thành viên
Bà Dương Thùy Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Anh	Giám đốc
Ông Đào Việt Phương	Phó Giám đốc
Ông Đào Quang Ngọc	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Việt Anh - Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ

Tầng 14 khu văn phòng, Tòa nhà C1 Thành Công

Phố Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Việt Anh

Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Số: 136 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2025 từ trang 04 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

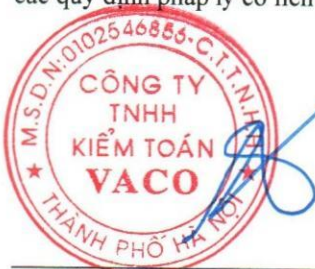
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Phương Lan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025



Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2737-2023-156-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN
THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**

Tầng 14 khu văn phòng
Tòa nhà C1 Thành Công, Phố Thành Công, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		62.033.663.892	58.400.005.421
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	8.865.491.154	9.477.056.900
1. Tiền	111		7.865.491.154	2.972.556.900
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	6.504.500.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	29.800.000.000	30.800.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		29.800.000.000	30.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.929.066.473	17.133.577.851
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	19.208.955.868	15.468.809.646
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.950.865.600	2.577.930.160
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.070.470.133	3.388.063.173
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(4.301.225.128)	(4.301.225.128)
IV. Hàng tồn kho	140	10	945.071.611	239.396.223
1. Hàng tồn kho	141		945.071.611	239.396.223
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		494.034.654	749.974.447
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	493.154.104	729.449.109
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15	880.550	20.525.338
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.734.314.828	14.975.806.245
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		32.074.000	32.074.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	32.074.000	32.074.000
II. Tài sản cố định	220		9.665.943.568	10.386.660.115
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	9.665.943.568	10.386.660.115
- Nguyên giá	222		18.640.785.344	18.365.695.344
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.974.841.776)	(7.979.035.229)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	4.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	-	4.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.036.297.260	557.072.130
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.036.297.260	557.072.130
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		72.767.978.720	73.375.811.666

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		24.049.459.237	24.247.068.697
I. Nợ ngắn hạn	310		24.049.459.237	24.247.068.697
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	6.289.305.204	10.789.149.278
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	3.831.810.200	963.488.160
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.085.208.659	1.801.923.129
4. Phải trả người lao động	314		5.766.132.328	5.821.105.997
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.739.065.782	1.157.830.532
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		181.734.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	3.859.923.080	3.527.397.648
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		296.279.984	186.173.953
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.718.519.483	49.128.742.969
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	48.718.519.483	49.128.742.969
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.352.900.000	42.352.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.352.900.000	42.352.900.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		768.706.048	768.706.048
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		448.600.139	448.600.139
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.148.313.296	5.558.536.782
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.022.164.751	727.796.576
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.126.148.545	4.830.740.206
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		72.767.978.720	73.375.811.666



Nguyễn Việt Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**
Tầng 14 khu văn phòng
Tòa nhà C1 Thành Công, Phố Thành Công Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	102.203.576.086	118.453.665.098
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		102.203.576.086	118.453.665.098
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	80.653.709.882	97.315.563.051
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		21.549.866.204	21.138.102.047
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.849.650.889	3.042.412.259
7. Chi phí bán hàng	25	23	327.384.175	702.958.781
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	17.877.716.131	17.373.850.289
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 25 - 26}	30		5.194.416.787	6.103.705.236
10. Thu nhập khác	31		36.400	-
11. Chi phí khác	32		614.005	4.573.941
12. (Lỗ)/Lãi khác (40 = 31 - 32)	40		(577.605)	(4.573.941)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.193.839.182	6.099.131.295
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	1.067.690.637	1.268.391.089
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		4.126.148.545	4.830.740.206
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	974	970



Nguyễn Việt Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ
Tầng 14 khu văn phòng
Tòa nhà C1 Thành Công, Phố Thành Công Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.193.839.182	6.099.131.295
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	995.806.547	906.536.125
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.849.650.889)	(3.042.412.259)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.339.994.840	3.963.255.161
- Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	(5.951.792.345)	1.327.360.657
- Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	(705.675.388)	(122.872.528)
- (Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(468.230.739)	(524.479.012)
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(242.930.125)	732.467.209
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.268.946.889)	(790.994.211)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(614.505.000)	(377.378.334)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.912.085.646)	4.207.358.942
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(275.090.000)	(300.535.000)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(16.500.000.000)	(11.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	21.500.000.000	14.600.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.025.599.400	2.334.179.262
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.750.509.400	5.133.644.262
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.449.989.500)	(3.763.015.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.449.989.500)	(3.763.015.400)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(611.565.746)	5.577.987.804
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	9.477.056.900	3.899.069.096
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	8.865.491.154	9.477.056.900



Nguyễn Việt Anh
Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ

Tầng 14 khu văn phòng
Tòa nhà C1 Thành Công, Phố Thành Công Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035042 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009, thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 8 năm 2022.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 14 khu văn phòng, Tòa nhà C1 Thành Công, Phố Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 42.352.900.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 81 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 75 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán, cung cấp thiết bị trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: Máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân được vào đâu. Chi tiết: Mua bán, cung cấp, xây dựng các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera); Các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê thiết bị trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: Máy tính, mạng vi tính, thiết bị viễn thông (âm thanh, ánh sáng, camera), các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết:
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty;
 - Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
 - Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), thẩm tra, tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu (trừ bất động sản), các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa, cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết:
 - Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm;
 - Dịch vụ làm dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu; tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ

Tầng 14 khu văn phòng
Tòa nhà C1 Thành Công, Phố Thành Công Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Cung cấp các nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống công nghệ thông tin và viễn thông.
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận. Chi tiết: Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Nghiên cứu, tư vấn, thẩm tra, tích hợp, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là Mua bán, cung cấp thiết bị trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa và cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 một đơn vị trực thuộc là Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí, địa chỉ tại Tầng 11, Tòa nhà Victory, số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đơn vị trực thuộc tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc và Văn phòng Công ty. Doanh thu - Chi phí và số dư giữa đơn vị trực thuộc và văn phòng Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; Theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Công nợ tài chính: ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi có kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng: Chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng;
- Chi phí thiết kế, lắp đặt nội thất văn phòng: Chi phí thiết kế, lắp đặt nội thất văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng;
- Chi phí thuê văn phòng, mặt bằng: Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho diện tích văn phòng, mặt bằng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng: Chi phí phát sinh bao gồm các trang thiết bị máy tính, điện thoại di động, điện thoại bàn lập trình,... phục vụ các hoạt động kinh doanh của Công ty được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng phân bổ từ 1 năm đến 3 năm;
- Chi phí bảo hiểm: Chi phí phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian được bảo hiểm;
- Chi phí trả trước dịch vụ văn phòng: Chi phí cước Internet phát sinh trong nhiều kỳ và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian trả trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	3 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

Mối quan hệ

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí
Viện Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam - Công ty Điều hành
Đường ống Tây Nam
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu
khí Việt Nam
Công ty Trách nhiệm hữu hạn - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác
Dầu khí
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát,
và Kế toán trưởng

[illegible]

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	14.815.970	208.696.978
Tiền gửi ngân hàng	7.850.675.184	2.763.859.922
Các khoản tương đương tiền (i)	1.000.000.000	6.504.500.000
Cộng	8.865.491.154	9.477.056.900

Ghi chú:

- (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,25%/năm đến 3,3%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a) Ngắn hạn	29.800.000.000	29.800.000.000	30.800.000.000	30.800.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	29.800.000.000	29.800.000.000	30.800.000.000	30.800.000.000
b) Dài hạn	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000

Ghi chú:

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,2%/năm đến 11,0%/năm.
- (ii) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 11,3%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.084.962.622	6.972.635.662
Công ty Cổ phần Vinaconex 39 (i)	790.746.600	790.746.600
Chi nhánh Tập đoàn dầu khí Việt Nam - Ban quản lý dự án chuyên ngành Điện	730.950.000	-
Trung tâm Mạng lưới Thủy văn Quốc gia	1.005.150.000	1.005.150.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Thiên Hoàng	-	4.540.000.000
Các đối tượng khác	558.116.022	636.739.062
b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan	16.123.993.246	8.496.173.984
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	9.860.212.592	6.539.583.850
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (ii)	1.864.410.134	1.864.410.134
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	4.399.370.520	-
Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	-	92.180.000
Cộng	19.208.955.868	15.468.809.646

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Phải thu Công ty Cổ phần Vinaconex 39 theo Hợp đồng cung cấp hệ thống điện nhẹ cho Khách sạn Lam Kinh là 790.746.600 VND đã quá hạn thanh toán. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu trên với số tiền tương ứng.
- (ii) Số dư phải thu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội theo Hợp đồng “Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học phía Bắc” là 1.864.410.134 VND đã quá hạn thanh toán. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu trên với số tiền tương ứng.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.950.865.600	2.577.930.160
Công ty Cổ phần Công nghệ Hà Phương	2.950.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Savitec Việt Nam	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư NDQ Việt Nam	444.600.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển CN Quốc gia ADG	440.317.350	-
Công ty Cổ phần Công nghệ số Newtech Hà Nội	312.000.000	-
Công ty TNHH Công nghệ Novitech	-	2.416.887.000
Các đối tượng khác	203.948.250	161.043.160
Cộng	4.950.865.600	2.577.930.160

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.070.470.133	3.388.063.173
Tạm ứng	89.770.905	227.192.336
Lãi dự thu	334.630.833	1.514.802.442
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Bên liên quan (i)	1.646.068.395	1.646.068.395
b) Dài hạn	32.074.000	32.074.000
Ký cược, ký quỹ (ii)	32.074.000	32.074.000
Cộng	2.102.544.133	3.420.137.173

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thể hiện số tiền còn phải thu liên quan đến Dự án Pin mặt trời theo Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 3 năm 2015, đã quá hạn thanh toán. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi khoản phải thu này và quyết định trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền 1.646.068.395 VND.
- (ii) Là các khoản ký quỹ, ký cược bảo lãnh thực hiện các hợp đồng và thuê văn phòng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN
THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**

Tầng 14 khu văn phòng
Tòa nhà C1 Thành Công, Phố Thành Công Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.864.410.133	-	1.864.410.133	-
Công ty Cổ phần Vinaconex 39	790.746.600	-	790.746.600	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.646.068.395	-	1.646.068.395	-
Cộng	4.301.225.128	-	4.301.225.128	-

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	945.071.611	-	239.396.223	-
Cộng	945.071.611	-	239.396.223	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	493.154.104	729.449.109
Chi phí bảo hiểm con người	82.416.000	76.234.800
Chi phí thuê mặt bằng IBS	42.189.578	42.189.578
Cước phí IOFFICE và FTTH	162.500.000	162.500.000
Phí sử dụng phần mềm Base	-	79.200.000
Phí sử dụng phần mềm Microsoft	72.900.000	64.571.400
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	82.500.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	133.148.526	222.253.331
b) Dài hạn	1.036.297.260	557.072.130
Công cụ dụng cụ	302.298.926	390.642.355
Chi phí bảo trì, sửa chữa hệ thống điều hoà trung tâm	515.038.334	-
Hệ thống phòng cháy chữa cháy văn phòng C1 Thành Công	-	166.429.775
Phí sử dụng phần mềm Base	218.960.000	-
Cộng	1.529.451.364	1.286.521.239

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ
Tầng 14 khu văn phòng
Tòa nhà C1 Thành Công, Phố Thành Công Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	10.692.097.841	4.190.321.831	1.557.872.728	1.925.402.944	18.365.695.344
Mua trong năm	-	275.090.000	-	-	275.090.000
Số dư cuối năm	10.692.097.841	4.465.411.831	1.557.872.728	1.925.402.944	18.640.785.344
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	1.354.332.394	3.999.669.907	1.557.872.728	1.067.160.200	7.979.035.229
Khấu hao trong năm	427.683.912	129.577.223	-	438.545.412	995.806.547
Số dư cuối năm	1.782.016.306	4.129.247.130	1.557.872.728	1.505.705.612	8.974.841.776
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	9.337.765.447	190.651.924	-	858.242.744	10.386.660.115
Tại ngày cuối năm	8.910.081.535	336.164.701	-	419.697.332	9.665.943.568

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao đang sử dụng tại ngày cuối năm là 7.331.237.139 VND (Tại ngày đầu năm là 7.331.237.139 VND).

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Giải pháp Thiên Hoàng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Bò Công Anh Sài Gòn	748.229.000	748.229.000	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ NGS	690.904.881	690.904.881	-	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Dịch vụ SDIC	476.000.000	476.000.000	-	-
Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG	447.391.193	447.391.193	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Truyền thông Hà Nội	387.854.000	387.854.000	-	-
Công ty TNHH Phần mềm chuyển đổi số Bright Sign	340.000.000	340.000.000	2.072.000.000	2.072.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Năm Sao	-	-	74.250.000	74.250.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Hà Phương	-	-	4.494.600.000	4.494.600.000
Các đối tượng khác	2.198.926.130	2.198.926.130	3.148.299.278	3.148.299.278
Cộng	6.289.305.204	6.289.305.204	10.789.149.278	10.789.149.278

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.276.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Thiên Hoàng	3.000.000.000	-
Các đối tượng khác	276.000.000	-
b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan	555.810.200	963.488.160
Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	456.287.700	-
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	99.522.500	-
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	913.488.160
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	-	50.000.000
Cộng	3.831.810.200	963.488.160

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/ thu trong năm	Số đã thực nộp/ thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	19.588.005	18.707.455	-	880.550
Thuế, phí khác	937.333	937.333	-	-
Cộng	20.525.338	19.644.788	-	880.550
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	445.187.620	4.367.991.228	4.188.039.653	625.139.195
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.292.459.672	1.067.690.637	1.268.946.889	1.091.203.420
Thuế thu nhập cá nhân	64.275.837	1.703.248.594	1.398.797.857	368.726.574
Thuế, phí khác	-	23.258.918	23.119.448	139.470
Cộng	1.801.923.129	7.162.189.377	6.878.903.847	2.085.208.659

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước giá trị sản văn phòng C1 Thành Công	506.545.456	506.545.456
Chi phí tạm tính giá vốn hàng hóa, dịch vụ	1.232.520.326	651.285.076
Cộng	1.739.065.782	1.157.830.532

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả khác ngắn hạn	990.719.966	964.194.534
Kinh phí công đoàn	183.246.939	146.039.983
Bảo hiểm xã hội	40.259.993	52.243.957
Bảo hiểm y tế	4.364.955	4.758.210
Bảo hiểm thất nghiệp	2.398.297	449.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác	760.449.782	760.702.984
b) Phải trả khác là các bên liên quan	2.869.203.114	2.563.203.114
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	324.000.000	288.000.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	115.203.114	115.203.114
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	1.976.400.000	1.756.800.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	453.600.000	403.200.000
Cộng	3.859.923.080	3.527.397.648

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	42.352.900.000	768.706.048	448.600.139	4.477.392.950	48.047.599.137
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.830.740.206	4.830.740.206
Phân phối các quỹ	-	-	-	(361.364.374)	(361.364.374)
Trả cổ tức	-	-	-	(3.388.232.000)	(3.388.232.000)
Số dư đầu năm nay	42.352.900.000	768.706.048	448.600.139	5.558.536.782	49.128.742.969
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.126.148.545	4.126.148.545
Phân phối các quỹ	-	-	-	(724.611.031)	(724.611.031)
Trả cổ tức	-	-	-	(3.811.761.000)	(3.811.761.000)
Số dư cuối năm nay	42.352.900.000	768.706.048	448.600.139	5.148.313.296	48.718.519.483

Ghi chú:

Trong năm, Công ty thực hiện phân phối các quỹ và trả cổ tức từ lợi nhuận phát sinh lũy kể tới năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 131/NQ-PAIC-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, cụ thể:

- Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi: 724.611.031 VND;
- Chi trả cổ tức cho cổ đông: 3.811.761.000 VND (Trong năm, Công ty đã thực thanh toán cổ tức cho các cổ đông là 3.449.989.500 VND, trong đó cổ tức chia năm 2022 là 2.976.964.800 VND và cổ tức chia năm 2023 là 473.024.700 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.235.290	4.235.290
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.235.290	4.235.290
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.235.290	4.235.290
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035042 thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 8 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 42.352.900.000 VND, tương đương 4.235.290 cổ phần (mệnh giá 10.000VND/cổ phần). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND		VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	21.960.000.000	51,85%	21.960.000.000	21.960.000.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	5.761.200.000	13,60%	5.761.200.000	5.761.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	5.040.000.000	11,90%	5.040.000.000	5.040.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	5.018.100.000	11,85%	5.018.100.000	5.018.100.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	3.600.000.000	8,50%	3.600.000.000	3.600.000.000
Cổ đông khác	973.600.000	2,30%	973.600.000	973.600.000
Cộng	42.352.900.000	100%	42.352.900.000	42.352.900.000

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.203.576.086	118.453.665.098
Trong đó:		
- <i>Doanh thu bán hàng</i>	29.569.844.099	8.383.397.984
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	72.633.731.987	110.070.267.114
Cộng	102.203.576.086	118.453.665.098

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (TIẾP THEO)

Trong đó, bán hàng cho các đối tượng là bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	58.482.642.140	47.149.725.818
Chi nhánh Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam - Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam	1.864.500.000	1.572.663.636
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	8.574.892.000	4.329.789.000
Công ty Trách nhiệm hữu hạn - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	625.066.000	905.950.000
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	716.800.000	635.300.000
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	880.025.000	-
Viện Dầu khí Việt Nam	121.500.000	-
Các đối tượng là bên liên quan khác	-	25.000.000
Cộng	71.265.425.140	54.618.428.454

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	29.071.248.623	8.127.429.590
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	51.582.461.259	89.188.133.461
Cộng	80.653.709.882	97.315.563.051

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.836.145.607	1.284.709.943
Chi phí nhân công	30.871.585.981	23.378.541.872
Chi phí khấu hao tài sản cố định	995.806.547	906.536.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.002.205.325	78.589.732.090
Chi phí khác bằng tiền	1.880.980.554	3.087.291.459
Cộng	70.586.724.014	107.246.811.489

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.849.650.889	3.042.412.259
Cộng	1.849.650.889	3.042.412.259

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	11.523.894.140	10.049.045.337
Chi phí đồ dùng văn phòng	614.260.750	1.284.709.943
Chi phí khấu hao	866.229.324	841.125.822
Thuế, phí, lệ phí	7.714.798	9.760.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.256.897.538	2.473.486.563
Chi phí khác bằng tiền	1.608.719.581	2.715.722.009
Cộng	17.877.716.131	17.373.850.289
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.838.000	686.799.508
Chi phí khác bằng tiền	264.546.175	16.159.273
Cộng	327.384.175	702.958.781

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	5.193.839.182	6.099.131.295
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	144.614.005	242.824.149
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>144.614.005</i>	<i>242.824.149</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.338.453.187	6.341.955.444
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	1.067.690.637	1.268.391.089
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.067.690.637	1.268.391.089

Ghi chú:

Trong năm, Công ty đã xác định các khoản chi phí không hợp lý như đã trình bày ở trên khi xác định thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.126.148.545	4.830.740.206
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (i)	-	724.611.031
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.126.148.545	4.106.129.175
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.235.290	4.235.290
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	974	970

Ghi chú:

- (i) Trong năm 2024, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 như trình bày tại Thuyết minh số 18. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 đã được trình bày lại do ảnh hưởng của vấn đề này (Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 đã trình bày là 1.141 VND/Cổ phiếu).

Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024, nên lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 được xác định chưa tính tới ảnh hưởng của vấn đề này.

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Cổ tức chi trả

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức đã chi trả trong năm	2.899.629.000	3.250.896.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	1.756.800.000	1.756.800.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	403.200.000	403.200.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	451.629.000	802.896.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	288.000.000	288.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị	144.000.000	156.000.000
- Bà Đỗ Thị Bích Hà - Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
- Ông Nguyễn Việt Anh - Thành viên	24.000.000	24.000.000
- Ông Vũ Quốc Anh - Thành viên	24.000.000	24.000.000
- Bà Lê Ngọc Diệp - Thành viên	-	7.400.000
- Ông Phan Xuân Thắng - Thành viên	24.000.000	24.000.000
- Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thành viên	12.000.000	24.000.000
- Bà Dương Thùy Dương - Thành viên	24.000.000	16.600.000
Lương và các khoản phúc lợi của Ban Giám đốc	2.272.334.039	2.175.750.055
- Ông Nguyễn Việt Anh - Giám đốc	923.159.459	917.196.859
- Ông Đào Việt Phương - Phó Giám đốc	625.769.847	620.150.973
- Ông Đào Quang Ngọc - Phó Giám đốc	723.404.733	638.402.223
Lương và các khoản phúc lợi của Ban Kiểm soát	647.880.000	600.171.750
- Ông Vũ Trường Quang - Trưởng BKS	623.880.000	576.171.750
- Bà Nguyễn Ngọc Anh - Thành viên	12.000.000	12.000.000
- Bà Nguyễn Thị Kim Anh - Thành viên	3.760.000	12.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hương Lan - Thành viên	8.240.000	-
Lương và các khoản phúc lợi của người quản lý	539.087.134	496.862.250
- Bà Nguyễn Ngọc Lan - Kế toán trưởng	539.087.134	496.862.250
Cổ tức đã chi trả trong năm	18.853.700	7.600.000
- Ông Nguyễn Việt Anh - Giám đốc	7.600.000	7.600.000
- Ông Đào Việt Phương - Phó Giám đốc	1.520.000	-
- Ông Đào Quang Ngọc - Phó Giám đốc	3.040.000	-
- Ông Vũ Trường Quang - Trưởng BKS	6.693.700	-
Cộng	3.622.154.873	3.436.384.055

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN
THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**
Tầng 14 khu văn phòng
Tòa nhà C1 Thành Công, Phố Thành Công Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư:

- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Không bao gồm khoản lãi tiền gửi năm 2024 nhưng chưa được thanh toán là 334.630.833 VND và đã bao gồm khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn chưa thu được trong năm 2023 là 1.514.802.442 VND, vì vậy, một khoản tiền tương ứng số chênh lệch đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu;

Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính:

- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu
- Không bao gồm cổ tức phải trả cho chủ sở hữu nhưng chưa trả trong năm 2024 là 3.439.457.950 VND và đã bao gồm cổ tức phải trả cho chủ sở hữu nhưng chưa trả năm 2023 là 3.077.686.450 VND, vì vậy, một khoản tiền tương ứng số chênh lệch đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Việt Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
Người lập biểu

